

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày: 02/7/2018

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

I. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huấn.

2. Các Hội thẩm nhân dân:

2.1. Ông Lê Quang Thế;

2.2. Ông Trần Xuân Hòa.

II. Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

II. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên: Ông Nguyễn Hữu Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 02/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2017/TLST-DS ngày 18/10/2017 về việc kiện “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2018/QĐXX-DSST ngày 14/6/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1965, có mặt.

HKTT, trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1971, có mặt.

HKTT, trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Đình I, sinh năm 1964, vắng mặt.

HKTT, trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

4. Đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1965, có mặt.

HKTT, trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

5. Người làm chứng:

5.1. Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1938, vắng mặt;

Trú tại: Thôn M, xã C, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

5.2. Bà Đỗ Thị Ê, sinh năm 1977, *vắng mặt*;

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

5.3. Ông Lê Văn B - Phó hiệu trưởng phụ trách trường Trung học cơ sở C, *vắng mặt*.

Địa chỉ: Xã C, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Do có quan hệ quen biết, chơi với nhau và đều là người cùng địa phương với vợ chồng bà Đỗ Thúy H, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1973 ở xóm xx, xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên nên đã nhiều lần bà cho vợ chồng bà H, ông D vay tiền để làm ăn kinh tế, trong đó có lần bà H ra lấy tiền, có lần ông D ra lấy tiền nhưng đều đã thanh toán đầy đủ cho bà. Riêng có hai lần cuối là vào cuối năm 2015 và đầu năm 2016 bà có cho vợ chồng bà H, ông D vay cụ thể vào ngày 21/12/2015 (âm lịch) cho vay 170.000.000đồng và ngày 02/02/2016 (âm lịch) cho vay thêm 150.000.000đồng. Tổng hai lần vay là 320.000.000đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng), nguồn gốc số tiền trên là của vợ chồng ông bà. Cả hai lần vay bà H là người trực tiếp đến vay và cầm tiền, khi vay bà H là người trực tiếp viết giấy vay rồi ký tên nhưng chỉ thỏa thuận miệng về mức lãi suất và thời hạn khi nào cần trả thì báo trước, các bên không thể chấp, cầm cố bằng tài sản gì, thời điểm vay chỉ có chồng bà là ông Đỗ Đình I chứng kiến. Tuy nhiên, đến năm 2016 bà H đột ngột qua đời, sau khi để gia đình lo mai táng cho bà H xong bà đã nhiều lần đến nhắc ông D để trả số tiền đã vay nhưng ban đầu ông D khát khi nào có thì trả nhưng bà không đồng ý, sau đó bà tiếp tục thúc giục nhiều lần thì ông D bảo ông không vay, không nhận tiền, bà H vay mượn ra sao thì ông không biết nên ông không có nghĩa vụ phải trả cho bà, dẫn tới bà phải làm đơn khởi kiện tới Tòa án. Bà N cho biết kể từ thời điểm vay đến nay bà H và ông D chưa trả cho vợ chồng bà số nợ gốc cũng như nợ lãi.

Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xem xét buộc ông Nguyễn Văn D phải trả ngay cho vợ chồng bà số tiền 320.000.000đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*) tiền gốc và tiền lãi kể từ thời điểm bà H mất (01/5/2016) cho đến thời điểm xét xử theo mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước nhưng tính tròn theo tháng, còn những ngày lẻ bà không yêu cầu.

Quan điểm của ông I đề nghị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xem xét buộc ông Nguyễn Văn D phải trả ngay cho vợ chồng ông số tiền 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*) tiền gốc, cùng tiền lãi. Do ông xác định quan điểm của bà N cũng là quan điểm của ông nên ông đã có giấy ủy quyền cho bà N tham gia quá trình tố tụng tại Tòa án, trình bày quan điểm về mọi nội dung liên quan trong vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông là chồng của bà Đỗ Thúy H, sinh năm 1976 người quê ở xã C, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Ông và bà H kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật vào năm 2001, sau đó về chung sống với nhau tại xã Đ. Quá trình vợ chồng ông chung sống hòa thuận, hạnh phúc bình thường cho đến năm 2016 bà H bị bệnh và mất. Công việc của ông là buôn bán, còn của bà H trước khi mất là giáo viên dạy tại trường Trung học cơ sở xã C, huyện Khoái Châu. Giữa gia đình ông và gia đình bà Đỗ Thị N, sinh năm 1965 ở xóm xx, xã Đ, huyện Khoái Châu không có quan hệ họ hàng gì, chỉ quen biết vì là người cùng địa phương. Sau khi bà H vợ ông mất được khoảng 03 tháng thì bà N có đến thông báo cho ông biết việc bà H vợ ông có vay của bà N số tiền 320.000.000 đồng và ông đã nói lại với bà N về việc vay nợ giữa bà H vợ ông và bà N ông không biết, ông không ký kết vào giấy tờ gì liên quan. Do đó, ông không có nghĩa vụ phải trả cho bà N số tiền trên. Đồng thời ông D cũng cho biết vào khoảng năm 2014 – 2015 vợ chồng ông có nhiều lần vay tiền của bà N nhưng số tiền vay không lớn, trong đó lần thì bà N đưa cho ông, lần thì đưa cho bà H vợ ông, đồng thời khi thì bà H ra trả tiền, khi thì ông ra trả. Tuy nhiên tất cả những lần vay của vợ chồng ông khi đó vợ chồng ông đã thanh toán trả cho bà N đầy đủ và đến nay ông không còn liên quan đến khoản nợ nào khác đối với bà N. Sau khi bà H mất không để lại giấy tờ gì liên quan do đó việc bà H vợ ông có vay của ai hay cho ai vay không thì ông không biết.

Nay bà N, khởi kiện đến Tòa án huyện Khoái Châu yêu cầu ông phải trả ngay cho bà N số tiền 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*) tiền gốc, cùng tiền lãi kể từ thời điểm bà H vợ ông mất (ngày 01/5/2016) cho đến thời điểm xét xử. Quan điểm của ông xác định việc vay mượn trên ông không biết nên ông không có trách nhiệm phải trả.

Những người làm chứng trong vụ án:

- Ông Đỗ Thanh T trình bày: Ông là bố đẻ của chị Đỗ Thúy H và là bố vợ của anh Nguyễn Văn D. Việc chị H và anh D kết hôn với nhau có đăng ký theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn vợ chồng H, D chung sống tại xã Đ. Cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng H, D hạnh phúc bình thường cho đến khi chị H đột ngột mất năm 2016 và ông không thấy trong quan hệ hôn nhân, kinh tế của vợ chồng chị H, anh D có điều gì bất thường. Công việc của chị H trước khi mất là giáo viên dạy ngoại ngữ (tiếng Anh) tại trường Trung học cơ sở C, còn anh D buôn bán tự do tại gia đình. Mọi công việc liên quan đến vay mượn, làm ăn kinh tế của vợ chồng chị H, anh D ông hoàn toàn không biết và cũng không có gì liên quan.

- Chị Đỗ Thị Ê cho biết như sau: Giữa chị và vợ chồng bà Đỗ Thị N, ông Đỗ Đình I, cùng vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Đỗ Thúy H (bà H đã mất năm 2016) đều là người cùng địa phương xã Đ, trong đó giữa chị và vợ chồng bà N, ông I có quan hệ họ hàng, còn với vợ chồng ông D, bà H không có quan hệ gì. Chị được biết vợ chồng bà N có cho nhiều người ở địa phương vay tiền, trong đó chị có lần vay tiền của bà N và mỗi lần vay đều viết vào sổ vay của bà N, sau khi thanh toán xong thì gạch bỏ đi, trong cùng tờ giấy có nhiều người vay và ai vay thì viết vào phần của mình, còn việc có hay không việc vay mượn tiền giữa

vợ chồng ông D, bà H và vợ chồng bà N, ông I thì chị không biết vì chị không được chứng kiến.

- Ông Lê Văn B là Phó hiệu trưởng phụ trách của trường Trung học cơ sở C cho biết như sau: Bà Đỗ Thúy H nguyên là giáo viên dạy bộ môn Ngoại Ngữ tại trường Trung học cơ sở C từ năm 1998 cho đến khi mất năm 2016. Trong suốt quá trình công tác bà H luôn chấp hành tốt mọi quy chế của nhà trường, không vi phạm gì. Đến nay nhà trường nhận được thông tin về việc bà H liên quan đến việc vay nợ đang được Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện bà Đỗ Thị N, trú tại xã Đ, huyện Khoái Châu. Vậy phía nhà trường xác định việc vay nợ giữa các bên nhà trường không nắm được thông tin gì, do đây là việc riêng của chị H và gia đình. Đồng thời qua nắm bắt của tập thể viên chức, người lao động trong nhà trường không liên quan gì đến việc vay nợ hay cho vay của chị H. Đối với đời sống, quan hệ hôn nhân của chị H trước khi mất phía nhà trường nhận thấy bình thường.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến để hòa giải nhưng hòa giải không thành nên vụ án được đưa ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà N và ông D vẫn giữ nguyên quan điểm như đã khai tại Tòa án trước đây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 305; điều 471; điều 474 và khoản 2 điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và Công văn số: 244/TANDTC-KHXX ngày 05/11/2012 của Tòa án nhân dân tối cao về việc “mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam”; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N. Buộc ông Nguyễn Văn D phải trả cho vợ chồng bà N, ông I số tiền gốc đã vay là 320.000.000đ cùng tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

Lời trình bày của bà Đỗ Thị N và ông Đỗ Đình I là đã nhiều lần cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Đỗ Thúy H vay tiền để làm ăn kinh tế, trong đó có lần bà H ra lấy tiền, có lần ông D ra lấy tiền nhưng đều đã thanh toán đầy đủ cho vợ chồng bà. Riêng lần vay ngày 21/12/2015 (âm lịch) số tiền là 170.000.000 đồng và ngày 02/02/2016 (âm lịch) số tiền 150.000.000 đồng. Tổng hai lần vay số tiền là 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*), hai bên có viết giấy vay nợ và bà H là người trực tiếp viết giấy vay nợ và ký tên, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng và thời hạn vay khi nào cần trả thì báo trước, các bên không thế chấp, cầm cố bằng tài sản gì. Kể từ khi vay cho đến nay, vợ chồng ông D chưa trả tiền gốc và tiền lãi là hoàn toàn phù hợp với các giấy vay nợ ngày 21-12-2015 âm lịch (bút lục 46) và ngày 02-02-2016 âm lịch (bút lục 47).

Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc bà Đỗ Thị N cho bà Đỗ Thúy H vay hai khoản tiền thể hiện ở hai giấy vay nợ ngày 21-12-2015 âm lịch và ngày 02-02-2016 âm lịch, với tổng số tiền gốc là 320.000.000 đồng là có thật đây là khoản vay mà bà H thực hiện trong thời kỳ bà H và ông D là vợ chồng, mục đích vay tiền của bà H là để phục vụ nhu cầu kinh doanh cũng như nhu cầu thiết yếu của gia đình nên khoản vay trên là công nợ chung của vợ chồng ông D. Tuy ông D không ký vào hai giấy vay nợ trên và cũng không chấp nhận hai khoản vay trên và ông D cho rằng sau khi bà H mất không để lại giấy tờ gì liên quan do đó việc bà H vợ ông có vay của ai hay cho ai vay không thì ông không biết nhưng thực tế chính ông D cũng đã thừa nhận vào khoảng năm 2014 – 2015 vợ chồng ông đã nhiều lần vay tiền của bà N nhưng số tiền vay không lớn, trong đó lần thì bà N đưa cho ông, lần thì đưa cho bà H vợ ông, đồng thời khi thì bà H ra trả tiền, khi thì ông ra trả tiền bà N. Mặt khác tại bản kết luận giám định số: 131/PC54 ngày 10-4-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên đã kết luận: Chữ viết, chữ ký tại giấy vay nợ (ghi ngày 21/12/2015, âm lịch) và giấy vay nợ (ghi ngày 02/02/2016, âm lịch) so với chữ viết, chữ ký của Danh sách chi Bảo hiểm thân thể giáo viên chủ nhiệm tại Trường THCS C năm 2015-2016 là do cùng một người viết, ký tên nên có đủ cơ sở xác định chữ viết, chữ ký trong hai giấy vay nợ nêu trên là của bà Đỗ Thúy H. Sau khi vay hai khoản tiền trên bà H chẳng may qua đời ông Nguyễn Văn D là người thừa kế tài sản của bà H và thực tế kể từ khi bà H chết cho tới nay ông D vẫn là người trực tiếp quản lý, sử dụng khối tài sản chung của ông D và bà H. Tại lời khai của những người làm chứng cũng như xác minh tại UBND xã Đ đều cho thấy quan hệ hôn nhân, kinh tế giữa vợ chồng ông D, bà H không có điều gì bất thường nên ông D phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Đỗ Thúy H.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N buộc ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị N toàn bộ số tiền gốc 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn*).

Đối với số tiền lãi, bà N chỉ yêu cầu ông D phải trả lãi từ ngày 01/5/2016 âm lịch tức ngày 05-6-2016 dương lịch cho đến nay, tính theo mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước, lãi tính tròn theo tháng, những ngày lẻ bà không yêu cầu tính lãi. Do các bên không thống nhất được về lãi suất nên cần áp dụng theo mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm tương ứng với 0,75%/tháng

(theo hướng dẫn tại Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và Công văn số: 244/TANDTC-KHXX ngày 05/11/2012 của Tòa án nhân dân tối cao), tiền lãi tương ứng là: $(320.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 24 tháng) = 57.600.000 đồng$ (Năm mươi B triệu sáu trăm nghìn đồng).

Như vậy, buộc ông Nguyễn Văn D phải trả ngay cho vợ chồng bà Đỗ Thị N, ông Đỗ Đình I tổng số tiền cả tiền gốc và lãi là $320.000.000đ + 57.600.000đ$ bằng 377.600.000đ (Ba trăm B mươi B triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp lệ nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: - Yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N được chấp nhận nên bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do vậy cần trả lại cho bà Đỗ Thị N số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 8.000.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002079 ngày 18-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

- Cần buộc ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 47 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức nộp án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể mức án phí dân sự sơ thẩm ông D phải chịu là: $377.600.000đ \times 5\% = 18.880.000đ$ (Mười tám triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 305; điều 471; điều 474 và khoản 2 điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và Công văn số: 244/TANDTC-KHXX ngày 05/11/2012 của Tòa án nhân dân tối cao về việc “mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam” Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N.

- Buộc ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1971, trú tại: Xóm xx, thôn Đ, xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên phải có trách nhiệm trả ngay cho vợ chồng bà Đỗ Thị N và ông Đỗ Đình I, tổng số tiền gốc và lãi là: 377.600.000đ (Ba trăm B mươi B triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp lệ nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lại đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

- Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng chẵn*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002079 ngày 18-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

- Buộc ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần giá trị tài sản tranh chấp là 18.880.000đ (*Mười tám triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn*).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Huân

